

Số: 07 /2016/QĐ-UBND

Long An, ngày 15 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định về một số chính sách Dân số và Sức khỏe sinh sản
trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2016 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh số 06/2003/PL-UBTVQH11 ngày 09/01/2003 về Dân số; Pháp lệnh số 08/2008/PL-UBTVQH12 ngày 27/12/2008 sửa đổi Điều 10 Pháp lệnh Dân số;

Căn cứ Nghị định số 104/2003/NĐ-CP ngày 16/9/2003 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Dân số;

Căn cứ Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số; Nghị định số 18/2011/NĐ-CP ngày 17 /3/2011 sửa đổi Khoản 6 Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010;

Căn cứ Nghị quyết số 222/2015/NQ-HĐND ngày 03/11/ 2015 của HĐND tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ 14 về thông qua Chương trình hành động thực hiện Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam trên địa bàn tỉnh Long An từ năm 2016 đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Y tế tại tờ trình số 148/TTr-SYT ngày 22/01/2016; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 43/STP-XDKTVB ngày 12/01/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về một số chính sách Dân số và Sức khỏe sinh sản trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Các nội dung của Quyết định có giá trị thực hiện đến hết ngày 31/12/2020.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Y tế; Thủ trưởng các sở ngành và đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Tổng cục Dân số - KHHGĐ - Bộ Y tế;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ công tác DS-KHHGĐ tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 3;
- Chi cục DS-KHHGĐ tỉnh;
- Trung tâm CSSKSS tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Phòng NCVX;
- Lưu: VT, DTh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Hữu Lâm

QUY ĐỊNH

Về một số chính sách Dân số và Sức khỏe sinh sản

trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2016 - 2020

(Kèm theo Quyết định số: 0X /2016/QĐ-UBND ngày 15 /02/2016 của UBND tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chính sách Dân số và Sức khỏe sinh sản (sau đây gọi tắt là DS - SKSS) triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Long An trong giai đoạn 2016 - 2020.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) và mọi công dân Việt Nam hiện đang cư trú trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện chính sách Dân số và Sức khỏe sinh sản

1. Bảo đảm việc chủ động, tự nguyện, bình đẳng của mỗi cá nhân, gia đình trong kiểm soát sinh sản, chăm sóc sức khỏe sinh sản (CSSKSS), lựa chọn nơi cư trú và thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng dân số. Kết hợp giữa quyền và lợi ích của cá nhân, gia đình với lợi ích của cộng đồng và toàn xã hội; thực hiện quy mô gia đình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững.

2. Phối hợp chặt chẽ trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các ngành, các cấp.

3. Thực hiện tốt chính sách, chế độ và tăng mức đầu tư từ ngân sách Nhà nước, tích cực tranh thủ các nguồn viện trợ đầu tư, thực hiện xã hội hóa công tác DS - SKSS, ưu tiên nguồn lực cho vùng sâu, vùng xa.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Trách nhiệm của mỗi cặp vợ chồng, cá nhân trong thực hiện chính sách Dân số và Sức khỏe sinh sản

1. Mỗi cặp vợ chồng, cá nhân thực hiện đúng quy định của pháp luật về dân số, thực hiện quy mô gia đình ít con - có một hoặc hai con, khuyến khích sinh đủ hai con, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Những trường hợp không vi phạm quy định sinh một hoặc hai con:

a) Cặp vợ chồng sinh con thứ ba, nếu cả hai hoặc một trong hai người thuộc dân tộc có số dân dưới 10.000 người hoặc thuộc dân tộc có nguy cơ suy giảm số dân (tỷ lệ sinh nhỏ hơn hoặc bằng tỷ lệ chết) theo công bố chính thức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Cặp vợ chồng sinh con lần thứ nhất mà sinh ba con trở lên.

c) Cặp vợ chồng đã có một con đẻ, sinh lần thứ hai sinh đôi trở lên.

d) Cặp vợ chồng sinh lần thứ ba trở lên, nếu tại thời điểm sinh chỉ có một con đẻ còn sống, kể cả con đẻ đã cho làm con nuôi.

e) Cặp vợ chồng sinh con thứ ba, nếu đã có hai con đẻ nhưng một hoặc cả hai con bị dị tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo không mang tính di truyền, đã được Hội đồng Giám định Y khoa cấp tỉnh hoặc cấp Trung ương xác nhận.

g) Cặp vợ chồng đã có con riêng (con đẻ):

- Sinh một con hoặc hai con, nếu một trong hai người đã có con riêng (con đẻ).

- Sinh một con hoặc hai con trở lên trong cùng một lần sinh, nếu cả hai người đã có con riêng (con đẻ). Quy định này không áp dụng cho trường hợp hai người đã từng có hai con chung trở lên và các con hiện đang còn sống.

h) Phụ nữ chưa kết hôn sinh một hoặc hai con trở lên trong cùng một lần sinh.

3. Thực hiện các biện pháp chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình (CSSKSS - KHHGĐ)

Các cặp vợ chồng, cá nhân chủ động, tự nguyện lựa chọn và áp dụng các biện pháp CSSKSS - KHHGĐ thích hợp, nâng cao thể chất, trí tuệ, tinh thần của bản thân và các thành viên trong gia đình; góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, tạo sự phát triển ổn định và bền vững của xã hội.

Điều 4. Một số chính sách Dân số và Sức khỏe sinh sản

1. Các chế độ khuyến khích thực hiện dịch vụ CSSKSS - KHHGĐ

a) Thực hiện triệt sản tại cơ sở y tế công lập trong tỉnh được miễn giá dịch vụ khám chữa bệnh khi thực hiện khám chẩn đoán, xét nghiệm chẩn đoán cận lâm sàng cơ bản (X-quang, siêu âm, công thức máu, thời gian máu đông, máu chảy, HIV, viêm gan siêu vi B), phẫu thuật, chăm sóc hậu phẫu và được cấp thuốc theo quy định của Bộ Y tế, đồng thời bồi dưỡng bằng tiền mặt số tiền 2.500.000 đồng.

b) Việc đặt dụng cụ tử cung, tiêm thuốc tránh thai tại cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh được thực hiện miễn phí và được cấp thuốc theo quy định của Bộ Y tế.

c) Việc cấy tránh thai tại cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh được thực hiện miễn phí và được cấp thuốc theo quy định của Bộ Y tế cho đối tượng thuộc hộ nghèo và cận nghèo.

d) Trường hợp triệt sản, đặt dụng cụ tử cung, tiêm thuốc tránh thai, cấy thuốc tránh thai tại các cơ sở y tế công lập trong tỉnh bị tác dụng phụ, hoặc bị tai biến, hoặc bị vỡ kế hoạch khi thực hiện hút, nạo, phá thai (trường hợp bỏ thai), hoặc khi sinh con (trường hợp đẻ thai) được chăm sóc, điều trị miễn giá dịch vụ khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế công lập trong tỉnh. Trường hợp vượt khả năng chuyên môn của tuyến tỉnh, phải chuyển tuyến trên theo quy định được thanh toán lại 100% kinh phí điều trị đối với trường hợp không có thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) hoặc thanh toán 100% phần người bệnh đồng chi trả theo quy định đối với người có thẻ BHYT.

2. Khuyến khích cặp vợ chồng có hai con

Các cặp vợ chồng có hai con đăng ký thôi đẻ hẳn được cấp giấy chứng nhận thôi đẻ hẳn, giấy có giá trị khi con đi học được giảm 50% học phí từ cấp học mầm non đến cấp trung học phổ thông thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (mức thu học phí theo quy định của UBND tỉnh).

3. Khuyến khích người làm công tác tuyên truyền vận động

Thành viên Ban Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, cán bộ Dân số cấp xã hoặc cộng tác viên Dân số, Gia đình và Trẻ em khi vận động được một trường hợp triệt sản thì được bồi dưỡng số tiền 200.000 đồng.

4. Khuyến khích cộng tác viên Dân số, Gia đình và Trẻ em

Cộng tác viên Dân số, Gia đình và Trẻ em ở cơ sở, được hưởng chế độ trong thời gian thực hiện nhiệm vụ tổng số tiền là 450.000 đồng/người/tháng.

5. Khuyến khích các hoạt động nâng cao chất lượng dân số

Được miễn phí tại các cơ sở y tế công lập trong tỉnh, khi:

a) Nam, nữ trước khi kết hôn (trừ trường hợp kết hôn có yếu tố nước ngoài) có giấy giới thiệu của UBND cấp xã, thực hiện tư vấn, khám sức khỏe tổng quát, xét nghiệm công thức máu, viêm gan siêu vi B và HIV.

b) Thai phụ thực hiện siêu âm đo độ mờ da gáy và khảo sát hình thái thai nhi để phát hiện sớm các trường hợp dị tật thai nhi.

c) Trẻ sinh ra được thực hiện kỹ thuật sàng lọc sơ sinh để phát hiện sớm một số bệnh lý bẩm sinh.

Chương III

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 5. Chế độ khen thưởng

1. Xã, phường, thị trấn đăng ký và xây dựng thành công mô hình không có người sinh con thứ ba trở lên trong năm được thưởng 10.000.000 đồng; nếu duy trì tốt mô hình 3 năm liên tục, được thưởng bằng hình thức đầu tư công trình phúc lợi có giá trị 200.000.000 đồng; nếu duy trì tốt mô hình 5 năm liên tục được thưởng bằng hình thức đầu tư công trình phúc lợi trị giá 300.000.000 đồng.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong thực hiện công tác DS - SKSS hàng năm, sẽ được Chủ tịch UBND tỉnh xét khen thưởng theo quy định riêng về chuyên đề thi đua.

3. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ thực tế và kết quả thực hiện công tác DS - SKSS hàng năm, Sở Y tế và UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định về việc xét khen thưởng theo thẩm quyền cấp mình.

Điều 6. Xử lý vi phạm chính sách Dân số và Sức khỏe sinh sản

1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, Hội có tính chất đặc thù, lực lượng vũ trang và doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn tỉnh sinh con thứ 3 trở lên sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức nếu có cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động sinh con thứ ba trở lên thì Thủ trưởng trực tiếp bị xử lý về chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu và tập thể cơ quan, đơn vị, tổ chức không được xét khen thưởng các danh hiệu thi đua theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Đối với cơ sở y tế và người làm dịch vụ CSSKSS - KHHGĐ nếu không thực hiện đúng quy định chuyên môn để xảy ra tai biến làm ảnh hưởng sức khỏe và tính mạng người thực hiện, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của ngành Y tế và pháp luật hiện hành.

4. Hội viên, đoàn viên của các tổ chức hội, đoàn thể vi phạm chính sách DS-SKSS thì xử lý kỷ luật theo điều lệ, quy chế, quy định của tổ chức đoàn thể.

5. Đối với nhân dân vi phạm chính sách DS - SKSS thì nhắc nhở, phê bình và cam kết không tái phạm theo quy ước tại các cuộc họp của khu phố, ấp, không xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa và xử lý theo quy định của quy ước ấp, khu phố nơi cư trú.

6. Xã, phường, thị trấn, khu phố, ấp không hoàn thành chỉ tiêu DS - SKSS, khi xét công nhận xã, phường, thị trấn, khu phố, ấp đạt chuẩn văn hóa thì trừ điểm thi đua phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" theo quy định của UBND tỉnh.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách Trung ương và ngân sách các cấp trong tỉnh.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương

1. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng liên quan hướng dẫn thực hiện và chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp báo cáo định kỳ về UBND tỉnh. Giao Sở Y tế hướng dẫn thực hiện việc cấp giấy chứng nhận thôi đẻ hẳn.

2. Sở Tài chính phối hợp với các ngành chức năng liên quan hướng dẫn sử dụng nguồn ngân sách theo quy định.

3. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan hướng dẫn thi đua - khen thưởng hàng năm đối với phong trào DS - SKSS và đưa mục tiêu DS -

SKSS vào tiêu chí thi đua xét hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; hướng dẫn việc xử lý vi phạm chính sách DS - SKSS.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc đầu tư xây dựng công trình phúc lợi.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa tiêu chí chỉ tiêu DS - SKSS vào thang điểm thi đua phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa".

6. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị

Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn quy định, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Chủ tịch UBND các cấp có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế, điều lệ hoặc các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật, đưa chính sách DS - SKSS vào chương trình, kế hoạch hoạt động và tiêu chí xét thi đua hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Định kỳ kiểm tra kết quả thực hiện chính sách DS - SKSS, gắn với kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn để xét các danh hiệu, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật.

7. Cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản-kế hoạch hóa gia đình

Tổ chức tuyên truyền, tư vấn, giúp đỡ các cặp vợ chồng và cá nhân chủ động tự nguyện thực hiện các dịch vụ CSSKSS - KHHGĐ. Đảm bảo cung cấp dịch vụ CSSKSS - KHHGĐ an toàn, thuận lợi và chất lượng đến người sử dụng; kiểm tra, theo dõi, xử lý kịp thời các tác dụng phụ và tai biến xảy ra đối với người sử dụng (nếu có).

8. Đề nghị Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể tỉnh vận động trong đoàn viên, hội viên gương mẫu thực hiện các nội dung của chính sách DS - SKSS; chỉ đạo cơ sở phối hợp với ngành Y tế cùng cấp tham gia triển khai thực hiện tốt chính sách DS - SKSS./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Hữu Lâm